

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2022
v/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH B

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn M
2. Ông Nguyễn Văn T

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị S - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 8 tháng 8 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Kim X, sinh năm 1985

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim X trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng không hòa hợp, nhiều mâu thuẫn bởi anh T ham chơi, không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt. Từ tháng 4/2022 đến nay vợ chồng không còn sống chung, cũng không liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn M H, sinh ngày 13/10/2003 và Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 29/8/2008. Cháu H đã trưởng thành, cháu D hiện nay đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T đều vắng mặt không có lý do. Không có văn bản thể hiện ý kiến của anh T về yêu cầu khởi kiện của chị X. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị Đoàn Thị Kim X vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim X khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung với bị đơn anh Nguyễn Văn T. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở xã Hm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B

Nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Kim X và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tiến T hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 10/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh B nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo chị X, trong thời gian chung sống, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm gia đình mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 4/2022, chị X và anh T không còn chung sống với nhau nữa, cả hai cũng không liên lạc để Hn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến Hnh hòa giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng Hn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng anh T vắng mặt chứng tỏ anh T không có thiện chí muốn Hn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị X.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, chung thủy, quan tâm, chăm sóc nhau. Nhưng giữa chị X và anh T không thực hiện được nghĩa vụ vợ chồng với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị X ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

Về con chung: Chị X và anh T có 02 con chung tên Nguyễn M H, sinh ngày 13/10/2003 và Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 29/8/2008. Cháu H đã trưởng tHnh nên chị X không yêu cầu giải quyết, cháu D hiện nay đang sống chung với chị X. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị X là hợp lý, để con có cuộc sống ổn định, cháu D là nữ giới và cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

– Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

– Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

– Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Kim X:

Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Kim X được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 29/8/2008 cho chị Đoàn Thị Kim X trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí:

Chị Đoàn Thị Kim X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006176 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện H, tỉnh B. Chị Đoàn Thị Kim X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị Kim X và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện H;
- Cơ quan THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thu T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu T

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hm Thuận Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu T

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hm Thuận Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu T

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hm Thuận Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu T

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hm Thuận Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu T

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hm Thuận Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hm Thuận Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu T

Nguyễn Văn Quán

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thị xã Lagi, ngày 21 tháng 7 năm 2016

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
Với tHnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái
- Các thẩm phán: Bà Trần Thị Ánh Tuyết và Bà Trần Thị Thiên Hương

Căn cứ vào các Điều 199; 222; 247 và khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngày 26/7/2016, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến Hnh nghị án đối với vụ án Lê Bá Thủy phạm tội “Chứa mại dâm”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và quyết định như sau:

+ 3/3 ý kiến thống nhất:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Bá Thủy, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2016/HSST ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Bá Thủy, phạm tội "Chứa mại dâm".

Áp dụng điểm p khoản 1 điều 46, khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Bá Thủy 18 tháng tù (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 13/01/2016 đến ngày 14/03/2016) thời hạn tù tính từ ngày thi Hnh án.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 02 vỏ bao cao su, 3 bao cao su đã qua sử dụng, 5 bao cao su chưa sử dụng, 2 tuýt nhựa hiệu KY.

- Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nH nước 01 ĐTDD hiệu Viettel.

- Áp dụng điểm b khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nH nước 750.000 đồng

- Áp dụng điểm b khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho Lê Bá Thủy 3 hộp bao cao su và 310.000 đồng. Tuy nhiên cần tạm giữ số tiền 310.000 đồng để đảm bảo thi Hình án.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh án phí, lệ phí toà án của UBTVQH 12 ngày 27/02/2009;

Buộc Lê Bá Thủy phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, nộp tại Chi cục thi Hình án dân sự huyện Đức Linh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/7/2016

+ **Các ý kiến khác không đồng ý:** Không có

Biên bản lập xong cùng ngày. Chủ tọa phiên tòa đọc lại cho Hội đồng xét xử phúc thẩm nghe, công nhận đúng và cùng thống nhất ký tên:

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thái